



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 91

Ngày 31 tháng 8 năm 2023

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

22-8-2023	Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	3
23-8-2023	Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất, đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	5
29-8-2023	Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND về việc quy định vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	8
29-8-2023	Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá bán hành kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	10

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

29-8-2023 Quyết định số 1624/QĐ-UBND bãi bỏ Chỉ thị số 15
14/2011/CT-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý
tần số vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2023/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 261/TTr-STC ngày 04 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk

Bãi bỏ toàn bộ các quyết định sau đây:

1. Quyết định số 2604/2001/QĐ-UB ngày 31/8/2001 của UBND tỉnh về việc quy định tỷ lệ quy đổi đá thương phẩm ra đá nguyên khai.

2. Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế tự cam kết kê khai tiền sử dụng đất khi nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, xin chuyển mục đích sử dụng đất không phải đất ở sang đất ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về nguồn, mức trích kinh phí, nội dung chi, mức chi tổ chức thực

hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 4 của Quy định về nguồn, mức trích kinh phí, nội dung chi, mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ngành của tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2023/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất, đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 253/TTr-STC ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Công văn số 2560/STC-QLD&CS ngày 16 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất, đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, như sau:

“1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá

a) Đối với các dự án sử dụng đất không thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, không thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư:

Số TT	Địa bàn đầu tư	Tỷ lệ % đối với nhóm đất nông nghiệp	Tỷ lệ % đối với nhóm đất phi nông nghiệp
1	Địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột		
	Các phường	0,85	1,00
	Các xã	0,80	0,95
2	Địa bàn thị xã Buôn Hồ		
	Các phường	0,80	0,95
	Các xã	0,75	0,90
3	Địa bàn các huyện		
	Các thị trấn	0,75	0,90
	Các xã	0,70	0,85

b) Đối với đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ: Bằng 90% đơn giá thuê đất theo địa bàn đầu tư quy định tại Số thứ tự 1, 2, 3 điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này;

c) Đối với đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ: Bằng 85% đơn giá thuê đất theo địa bàn đầu tư quy định tại Số thứ tự 1, 2, 3 điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2023.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ

tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 28/2023/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 4 Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 711/TTr-BDT ngày 08 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong trường hợp học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhỏ hơn quy mô của trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 3. Quy định vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

1. Vùng tạo nguồn thuộc địa bàn tuyển sinh là các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Đối tượng tạo nguồn tuyển sinh là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tại vùng tạo nguồn quy định tại khoản 1 Điều này tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 9 năm 2023 và thay thế Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thuộc diện tuyển sinh vào Trường phổ thông Dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2023/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước
về giá bán hàng kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 221/TTr-STC ngày 14 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá bán hàng kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“ Điều 8. Quy định về trình, thẩm định và quyết định giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh do sở quản lý ngành, lĩnh vực, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh lập hồ sơ phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định; cụ thể:

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực; tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh được giao nhiệm vụ lập hồ sơ phương án giá theo lĩnh vực có trách nhiệm lập hồ sơ phương án giá, gửi sở quản lý ngành để kiểm tra, xem xét thẩm định về định mức kinh tế kỹ thuật, lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan; trên cơ sở đó tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh lại phương án và có văn bản kèm theo hồ sơ phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định;

b) Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ phương án giá theo quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá. Căn cứ vào nội dung phương án giá và các quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tài chính tự tổ chức thẩm định theo thẩm quyền hoặc mời các sở, ngành có liên quan tham gia thẩm định;

c) Trên cơ sở kết quả thẩm định phương án giá, Sở Tài chính có văn bản thông báo kết quả thẩm định đến cơ quan, đơn vị để hoàn thiện hồ sơ phương án giá;

d) Căn cứ phân công trách nhiệm của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh định giá tại Điều 9 Quy định này; Sở quản lý ngành, lĩnh vực trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

3. Hồ sơ phương án giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

4. Việc thẩm định và trình, quyết định bảng giá đất, bảng giá đất điều chỉnh, phương án giá đất thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về thẩm định giá hoặc thẩm định phương án giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“ Điều 10. Thẩm định giá và cho ý kiến thẩm định giá của nhà nước

1. Các trường hợp mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản công (sau đây viết tắt là mua sắm tài sản công): Căn cứ vào quyết định giao nguồn kinh phí mua sắm của cấp có thẩm quyền hoặc theo dự toán phân khai có giá trị từ 100 triệu đồng/lần trở lên, sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá, phải có ý kiến thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan thực hiện có ý kiến thẩm định giá

a) Sở Tài chính có ý kiến thẩm định giá các tài sản công (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua, bán từ nguồn ngân sách hoặc có nguồn gốc từ ngân sách đối với các đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý hoặc các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách) từ 100 triệu đồng trở lên/lần được mua sắm tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều này; các tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/lần được mua sắm tài sản công từ nguồn ngân sách cấp huyện;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố có ý kiến thẩm định giá các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này, có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/lần được mua sắm tài sản công từ nguồn ngân sách cấp huyện hoặc có nguồn gốc từ ngân sách đối với các đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

3. Trình tự, thủ tục có ý kiến thẩm định giá

a) Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này; sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá, gửi văn bản yêu cầu có ý kiến thẩm định giá đến Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này với các nội dung sau:

- Tên cơ quan, đơn vị đề nghị có ý kiến thẩm định giá;

- Thông tin về tài sản cần thẩm định giá kèm theo tài liệu có liên quan; chứng thư giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản cần thẩm định giá; chứng thư, báo cáo kết quả thẩm định giá (kèm theo báo giá của ít nhất 03 nhà cung cấp); các tài liệu khác có liên quan (nếu có);

- Nội dung yêu cầu có ý kiến thẩm định giá;

- Ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị về giá trị mua sắm tài sản công do doanh nghiệp thẩm định giá xác định;

- Ý kiến về việc sử dụng kết quả (chứng thư thẩm định giá) của doanh nghiệp thẩm định giá làm căn cứ để mua sắm tài sản công;

- Nội dung, ý kiến khác liên quan đến giá mua sắm tài sản công (nếu có).

b) Đối với cơ quan nhà nước có ý kiến thẩm định giá:

Trên cơ sở đề nghị tại văn bản yêu cầu có ý kiến thẩm định giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hồ sơ kèm theo; Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch có ý kiến thẩm định bằng văn bản về các nội dung:

- Đánh giá việc chấp hành quy trình thẩm định giá theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam của doanh nghiệp thẩm định giá;

- Khảo sát, thu thập thông tin về giá thị trường của tài sản cho ý kiến thẩm định giá, so sánh mức giá do doanh nghiệp thẩm định giá xác định và giá do cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tài sản công đề nghị; trên cơ sở đó có ý kiến về giá mua và giá trị mua sắm tài sản công;

4. Đối với trường hợp không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá và mua tài sản thuộc bí mật nhà nước thì thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP

a) Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh:

Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh thực hiện thẩm định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính thành lập, do đại diện lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác gồm:

- Đại diện Phòng Quản lý giá công sản - Sở Tài chính;
- Đại diện lãnh đạo và chuyên viên đơn vị có tài sản thẩm định giá;
- Đại diện cơ quan chuyên môn (tùy theo tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá) do Sở Tài chính đề nghị tham gia Hội đồng thẩm định.

b) Hội đồng thẩm định giá cấp huyện:

Hội đồng thẩm định giá cấp huyện thực hiện thẩm định với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý do UBND cấp huyện quyết định thành lập, đại diện lãnh đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác gồm:

- Chuyên viên (lĩnh vực giá) Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Đại diện lãnh đạo và chuyên viên đơn vị có tài sản thẩm định giá;
- Đại diện cơ quan chuyên môn (tùy theo tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá) do Phòng Tài chính – Kế hoạch đề nghị tham gia Hội đồng thẩm định.

c) Hội đồng thẩm định giá phải có ít nhất một thành viên đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính hoặc đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành vật giá, thẩm định giá;

d) Hội đồng thẩm định giá thực hiện trình tự thẩm định giá tài sản theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ.

5. Thời gian thực hiện thẩm định giá của cơ quan được phân công nhiệm vụ thẩm định giá theo quy định tại khoản 4 Điều này, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu thẩm định giá của cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP.

Đối với trường hợp mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung, đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung (Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản) thực hiện tổng hợp thông tin về tài sản cần có ý kiến thẩm định giá kèm theo tài liệu có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP, gửi về Sở Tài chính để thực hiện có ý kiến thẩm định giá tài sản công mua sắm tập trung; thời gian thực hiện có ý kiến thẩm định giá kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

6. Các nội dung có liên quan đến trình tự, thủ tục thẩm định giá của nhà nước không quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Luật giá, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản của Nhà nước có liên quan.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2023.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 1624/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Chỉ thị số 14/2011/CT-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý
tần số vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm
2022;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5
năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
102/TTr-STTTT ngày 25 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Chỉ thị số 14/2011/CT-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý tần số vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (*gửi kèm theo*).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng